TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2018/HNGĐ-ST
Ngày 29-5-2018
V/v tranh chấp "Ly hôn,
Tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Bé.

2. Bà Thái Thị N Trân.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*: Ông Tôn Văn Xuyên, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 672/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1994 (Có mặt).

Cư trú: Ấp T, xã B, huyện T, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Anh Lê Hoài N, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Cư trú: Ấp H, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày: Chị và anh Lê Hoài N cưới nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, hôn nhân do mai mối và được cha mẹ đồng ý. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng nhau về tiền bạc nên vợ chồng thường hay cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng nhiều đến tháng 02 năm 2017 thì mâu thuẫn đã trầm trọng và chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ đó đến nay. Từ khi không còn chung sống với nhau, hai bên không tới lui thăm nhau và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay nhận thấy tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Hoài N. Về quan hệ con chung: Vợ chồng

có 02 con chung tên Lê Hoài V, sinh ngày 29/4/2008 và Lê Hoài T1, sinh ngày 05/10/2014 (cháu V, cháu T1 hiện do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản chung: Không có. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Lê Hoài N được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và hòa giải được.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Lê Hoài N kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay cãi nhau và ly thân từ tháng 02/2017 đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh N đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Mặt khác, trong thời gian ly thân, anh chị không tới lui thăm nhau và không tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, nên chị T yêu cầu xin ly hôn đối với anh N là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Hoài V, sinh ngày 29/4/2008 và Lê Hoài T1, sinh ngày 05/10/2014. Hiện các cháu đang sống với chị T, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện tại cháu V và cháu T1 hiện đang sinh sống với chị T phát triển bình thường và được chăm sóc tốt, hơn nữa cháu V có nguyện vọng được sống chung với chị T. Để đảm bảo cho các cháu có điều kiện được phát triển và ổn định cuộc sống, nghĩ nên để chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V và cháu Tện là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không đề cập giải quyết.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Lê Thị T yêu cầu ly hôn với anh Lê Hoài N, anh N có nơi cư trú ấp T, xã A, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Anh Lê Hoài N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N là có căn cứ.

[3] Chị Lê Thị T yêu cầu ly hôn với anh Lê Hoài N. Chị T và anh N có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo chị T trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng thường hay phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng không tin tưởng với nhau về tiền bạc dẫn đến bất hòa mâu thuẫn ngày càng nhiều và không còn sống chung từ tháng 02/2017 đến nay. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý về việc chị T yêu cầu ly hôn và triệu tập anh N tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh N vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị T. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh N đã diễn ra trong thời gian dài nguyên nhân chủ yếu vợ chồng không tin tưởng, mất lòng tin với nhau về vấn đề tiền bạc dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng hơn không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị T là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh N có 02 con chung tên Lê Hoài V, sinh ngày 29/4/2008 và Lê Hoài T1, sinh ngày 05/10/2014. Hai con chung hiện do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau cháu V, cháu Tện do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên tâm tư tình cảm của các cháu gắn liền với người nuôi dưỡng, trong quá trình giải quyết anh N cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung của chị T và cháu V cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó, để chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V, cháu T1 là phù hợp với nguyện vọng của cháu và phù hợp với pháp luật.

[5] Đối với cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi 02 (hai) con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Chị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quan hệ nợ chung: Chị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T đối với anh Lê Hoài N.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Lê Hoài N.

- Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con 02 con chung tên Lê Hoài V, sinh ngày 29/4/2008 và Lê Hoài T1, sinh ngày 05/10/2014 (cháu V, cháu T1 hiện do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng).

Chị Lê Thị T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Lê Hoài N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0018956 ngày 11/12/2017 của Chi cục T hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Chị T đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được T hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thoả thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật T hành án dân sự; thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND huyện Chợ Mới;
-Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND xã Vĩnh Bình, H. Châu Thành, AG;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư